

Số: 77/2020/QĐST-HNGĐ

YM, ngày 30 tháng 09 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 112/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 09 năm 2020 giữa:

* Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Xóm 1, PL, xã YT, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

* Bị đơn: Chị **Tráng Thị L**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Xóm 1, PL, xã YT, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 09 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 09 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn H và chị Tráng Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Tráng Thị L có hai con chung là cháu Nguyễn Đức L1, sinh ngày 03/06/2016 và cháu Nguyễn Huy H1, sinh ngày 29/01/2019. Anh H và chị L thống nhất giao cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu L1 và H1 đến tuổi thành niên; Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu L1 và cháu H1 chung sống với anh H.

Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh H và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung và công nợ: Anh Nguyễn Văn H và chị Tráng Thị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn: Anh Nguyễn Văn H nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền án phí anh H phải nộp được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0002331 ngày 08/09/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YM. Anh H được hoàn trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện YM;
- THADS huyện YM;
- Các đương sự;
- UBND xã YT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Phạm Diệu Oanh
(ĐÃ KÝ)